

Số: 2362/BC-UBND

Tân Uyên, ngày 28 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã Nậm Sỏ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Tân Uyên về việc thành lập Đoàn thẩm tra xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

Xét đề nghị của UBND xã Nậm Sỏ tại Tờ trình số 288/TTr-UBND ngày 18/12/2020 về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Nậm Sỏ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020,

Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã Nậm Sỏ năm 2020, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 23/12/2020 đến ngày 28/12/2020).

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM của xã Nậm Sỏ đảm bảo theo Quyết định 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ; xã đã thực hiện đảm bảo theo đúng quy trình rà soát, đánh giá, lấy ý kiến các tổ chức chính trị xã hội, người dân và bỏ phiếu xét đề nghị xã đạt chuẩn NTM năm 2020.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Ủy ban nhân dân xã đã triển khai và hoàn thành công tác rà soát, đánh giá thực trạng 19 tiêu chí NTM. Quy hoạch chung NTM mới được xây dựng

trên cơ sở các thế mạnh của xã, bám sát các tiêu chí, đồng thời đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của xã đến năm 2020. Xã đã có quy hoạch chung tại Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 25/5/2012 của UBND huyện Tân Uyên phê duyệt quy hoạch chung xây dựng NTM xã Nậm Sỏ giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND huyện Tân Uyên phê duyệt đề án xây dựng NTM xã Nậm Sỏ giai đoạn 2011 - 2020. Ngay sau khi có Quyết định phê duyệt quy hoạch của UBND huyện Tân Uyên, UBND xã Nậm Sỏ đã công bố công khai đúng quy định cho toàn thể Nhân dân trên địa bàn được biết, đồng thời ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện đúng theo quy hoạch.

Việc chuyển mục đích sử dụng đất giữa các loại đất (*chuyển mục đích trong đất nông nghiệp, chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp*) được UBND xã triển khai thực hiện phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 330/QĐ-UBND ngày 04/8/2014. Việc thu hồi đất, giao đất thực hiện thực hiện các dự án, đề án trên địa bàn xã được thực hiện theo đúng kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện; năm 2019-2020, trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới như: Đường giao thông, nhà văn hóa,... UBND xã đã tuyên truyền, vận động Nhân dân hiến đất được 17.300 m², đóng góp hơn 220 ngày công lao động.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm (*100% được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0 m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0 m*).

- Đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (*Trên 80% được cứng hóa, đảm bảo chiều rộng mặt đường tối thiểu 2,0 m; chiều rộng của nền đường tối thiểu 3,0 m trở lên*).

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa (*Tối thiểu 50% cứng hóa, đảm bảo chiều rộng mặt đường tối thiểu 1,5 m; chiều rộng của nền đường tối thiểu 2,0 m trở lên*).

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm (*Tối thiểu 50% cứng hóa, đảm bảo chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0 m; chiều rộng của nền đường tối thiểu 4,0 m trở lên*).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm là 65/65 km (*chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0 m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0 m trở lên*), đạt 100%: Đạt.

- Đường trục bản và liên bản được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện là 17,1/21,3 km (*chiều rộng mặt đường tối thiểu 2,0 m; chiều rộng của nền đường tối thiểu 3,0 m trở lên*), đạt 80,28%: Đạt.

- Đường ngõ bản sạch và không lầy lội vào mùa mưa là 12,71/16,98 km

(chiều rộng mặt đường tối thiểu 1,5 m; chiều rộng của nền đường tối thiểu 2,0 m trở lên), đạt 74,85%: Đạt.

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm là 2,4/4,8 km (chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0 m; chiều rộng của nền đường tối thiểu 4,0 m trở lên), đạt 50%: Đạt.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Trên địa bàn xã có 12 tuyến kênh mương thủy lợi, với tổng chiều dài 25,9 km, đã kiên cố hóa được 25,9 km, được xây dựng theo quy hoạch và đúng thiết kế được phê duyệt đảm bảo tưới tiêu chủ động cho 522,7/583 ha đất trồng lúa nước, rau màu, thủy sản, đạt 89,65% diện tích. Hằng năm, UBND xã đã chỉ đạo Ban thủy lợi xã thường xuyên đôn đốc, kiểm tra công tác quản lý, vận hành công trình của các tổ thủy lợi bản; trực tiếp ký hợp đồng với các tổ thủy lợi của bản và giao việc quản lý, khai thác, sử dụng các công trình thủy lợi để đảm bảo công tác tưới phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn xã.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống điện đạt chuẩn.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt $\geq 95\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Tổng số hộ dùng điện thường xuyên và an toàn của toàn xã là 1.454/1.496 hộ, đạt 97,19%. Trên địa bàn xã có 37,03 km đường dây cao thế, 34,7 km đường dây hạ thế và 13 trạm biến áp với công suất là 1.048 KVA, hiện nay toàn bộ hệ thống điện của xã đã đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia đạt $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Hiện nay, xã có 03 trường học đã đạt chuẩn về cơ sở vật chất, đảm bảo phục vụ công tác học tập và giảng dạy của học sinh và giáo viên trong xã.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã (*Diện tích đất quy hoạch đối với nhà văn hóa đa năng tối thiểu 200 m², nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng tối thiểu 100 chỗ ngồi, diện tích khu thể thao chưa kể sân vận động rộng 250 m² trở lên*).

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của trẻ em và người cao tuổi theo quy định (*Đảm bảo điều kiện và nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em*).

- Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hiện nay, xã có nhà văn hóa với quy mô trên 200 chỗ ngồi đảm bảo phục vụ sinh hoạt văn hoá và tổ chức các sự kiện lớn của xã; có 14/16 bản, chiếm 87,5% bản có nhà văn hóa; 02/16 bản có nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng, đáp ứng nhu cầu hội họp, giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của người dân.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại

a) Yêu cầu của tiêu chí

Xã có chợ nông thôn, hoặc nơi mua bán trao đổi hàng hóa.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Toàn bộ hoạt động buôn bán của người dân trên địa bàn xã tập trung tại khu vực bản Nà Ngò, Nà Lào, các hoạt động buôn bán khác diễn ra tại chợ trung tâm huyện cách trung tâm xã khoảng 36 km.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có điểm phục vụ bưu chính.
- Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.
- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa.
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Xã có điểm phục vụ bưu chính viễn thông, 16/16 bản đã được phủ sóng điện thoại để truy cập Internet của các nhà mạng như Viettel, Vinaphone; xã có hệ thống loa không dây phát đến 16/16 bản; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, điều hành của các đơn vị, cơ quan trên địa bàn xã, phục vụ nhu cầu làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Không có nhà tạm, dột nát.
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định đạt $\geq 75\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Qua thăm tra, số hộ có nhà đạt chuẩn theo quy định là 1.177/1.496 hộ, chiếm 79%. Tính đến thời điểm báo cáo, xã đã vận động xóa được 76/76 nhà tạm bằng các khoản đóng góp ủng hộ của các ban ngành đoàn thể huyện, đến nay trên địa bàn xã không có nhà tạm, dột nát.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 là 36 triệu đồng/người/năm (Năm 2017 ≥ 26 triệu đồng, năm 2018 ≥ 29 triệu đồng, năm 2019 ≥ 33 triệu đồng, năm 2020 ≥ 36 triệu đồng).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Để nâng cao thu nhập cho người dân xã đã tuyên truyền, vận động Nhân dân chăm sóc, bảo vệ tốt 702,96 ha Quế, 222,35 ha Sơn tra và 152 ha Mắc ca đã trồng; tham gia trồng 18 ha Nghệ đen; triển khai có hiệu quả các dự án hỗ trợ chăn nuôi đại gia súc, gia cầm thuộc nguồn vốn Chương trình 135, 30a cho hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo; sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay của ngân hàng chính sách xã hội; sử dụng có hiệu quả diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đưa các loại giống lúa, ngô, cây màu có chất lượng, năng suất cao vào sản xuất.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục được quan tâm phát triển, đã có sự chuyển biến tích cực từ chăn nuôi truyền thống sang chăn nuôi theo hướng tập trung với những giống mới có năng suất, chất lượng cao. Nhân dân đã nêu cao ý thức phòng chống dịch bệnh, tiêu độc khử trùng, thực hiện vệ sinh chuồng trại và phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc hàng năm đều đạt 6%.

Công tác khoanh nuôi bảo vệ rừng được chú trọng thực hiện, sử dụng có hiệu quả tiền dịch vụ môi trường rừng vào công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

Lao động nhàn rỗi hàng năm trên địa bàn xã đi lao động ở các công ty, nhà máy trên địa bàn tỉnh và các tỉnh khác.

Bằng việc lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đồng bộ các giải pháp trên. Đến nay, thu nhập bình quân đầu người của người dân đạt 36,01 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 chiếm tỷ lệ $\leq 12\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Qua kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình năm 2020, tổng số hộ nghèo của xã là 157/1.496 hộ, chiếm 10,49%.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Hiện nay, tổng số người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động là 4.428 trong đó số lao động có việc làm là 4.339/4.428, chiếm 98%. Trong năm 2020, xã duy trì tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động trên cơ sở mở rộng diện tích cây trồng, tham gia lao động cho các đơn vị đang thi công xây dựng tại địa phương, tạo điều kiện cho Nhân dân tiếp cận các kênh thông tin tuyển dụng lao động hợp pháp,...

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có Hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.
- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Trên địa bàn xã đã hình thành những khu vực sản xuất tập trung như: Vùng nguyên liệu Quế, vùng trồng Sơn tra, Mắc ca. Hiện nay, xã có Công ty TNHH một thành viên giống vật tư nông nghiệp Tây Bắc đang hợp tác liên kết với các hộ dân trong việc trồng và bao tiêu sản phẩm từ cây Nghệ đen, có 01 tổ hợp tác liên kết thu mua, tiêu thụ sản phẩm từ cây Quế; có 01 Hợp tác xã Tuấn Thành hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi gia súc, sản xuất nông lâm nghiệp.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt $\geq 70\%$.
- Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo $\geq 25\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Công tác phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS được duy trì (Công nhận tại Quyết

định số 1636/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND huyện Tân Uyên về việc công nhận các đơn vị xã thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS và xoá mù chữ năm 2020). Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học trung học đạt 70,8% (Số học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT, bổ túc, trung cấp là 153/216). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 53,23%. Tiếp tục mở các lớp xoá mù chữ theo kế hoạch.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế $\geq 85\%$.
- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 26,7\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Cơ sở vật chất trạm y tế xã gồm 01 dãy nhà cấp 4, 01 nhà 2 tầng 19 phòng để làm việc, 05 giường bệnh để điều trị nội trú và phục vụ cho công tác khám chữa bệnh; có 04 Y sỹ, 01 Dược sỹ trung học, 01 Nữ hộ sinh, 02 Điều dưỡng, 01 Cán bộ dân số, 16 Nhân viên Y tế thôn bản.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế là đạt 7.632/8.172 người, chiếm 93,4%.
- Công tác phòng chống suy dinh dưỡng: Tổ chức ngày vi chất dinh dưỡng, truyền thông tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ, tư vấn cho các hộ gia đình có trẻ bị suy dinh dưỡng, tổ chức cân trẻ hàng tháng và lên biểu đồ tăng trưởng cho trẻ < 2 tuổi, cân trẻ chiến dịch cho trẻ < 5 tuổi, đánh giá tỉ lệ suy dinh dưỡng kết hợp uống Vitamin A cho trẻ 6 - 60 tháng, bà mẹ có thai và tẩy giun cho trẻ 24 - 60 tháng. Tính đến thời điểm báo cáo, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (chiều cao theo tuổi) chiếm 25,6%.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Năm 2020 có 16/16 bản đăng ký danh hiệu bản làng văn hóa; 1.373/1.459 hộ đăng ký đạt danh hiệu gia đình văn hóa. Qua bình xét, được công nhận 12/16 bản, chiếm 75% bản đạt tiêu chuẩn văn hóa; 1.221/1.373 chiếm 82,83% hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa; 5/5 cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã đạt tiêu chuẩn văn hóa.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định ($\geq 90\%$; $\geq 50\%$ nước sạch).
- Cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.
- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp.
- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.
- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.
- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp) $\geq 70\%$.
- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường $\geq 60\%$.
- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- + Tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh là 90,04% (1.352/1.496 hộ); tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch là 50,07% (749/1.496 hộ): *Đạt*.
- + Cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường là 34/34 cơ sở, đạt 100%: *Đạt*.
- + Xây dựng cảnh quan, môi trường Xanh - Sạch - Đẹp: *Đạt*.
- + Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: *Đạt*.
- + Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định (Hiện xã đã có bãi rác tập trung): *Đạt*.
- + Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch là 1.062/1.496 hộ, chiếm 71%: *Đạt*.
- + Tỷ lệ hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 754/1.126 hộ, chiếm 67%: *Đạt*.
- + Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (Có 5/5 hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm có cam kết và tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm), đạt 100%: *Đạt*.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- 100 % tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh".
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Năm 2020, tổng số cán bộ, công chức toàn xã là 21 đồng chí trong đó trình độ đại học là 12/21 đồng chí, đạt tỷ lệ 57,1%; cao đẳng, trung cấp 9/21 đồng chí đạt tỷ lệ 42,9%; trình độ lý luận chính trị: trung cấp 19/21 đồng chí đạt tỷ lệ 90,5%, đang học trung cấp 02 đồng chí chiếm 9,5%. Toàn xã có 253 đảng viên sinh hoạt tại 20 chi bộ.

Xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở và tổ chức xã hội. Đảng bộ, chính quyền hàng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh". Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã cuối năm đều được xếp loại khá trở lên.

Hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đối tượng chính sách và phụ nữ được quan tâm thực hiện nhằm tư vấn, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội, đảm bảo công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình (thành lập 16 câu lạc bộ tại 16 bản).

b) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xây dựng lực lượng Dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu nại đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Lực lượng dân quân xã có 116 đồng chí/16 thôn bản, hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng. Hàng năm thực hiện tốt công tác huấn luyện, diễn tập dân quân theo kế hoạch. Đủ khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác quân sự ở địa phương. Hàng năm bảo đảm đủ chỉ tiêu tuyển quân.

- Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã được giữ vững, không để xảy ra các tình huống đột xuất, bất ngờ. Xã được công nhận địa bàn không có ma túy. An ninh nông thôn, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được giữ vững, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc có nhiều chuyển biến tích cực.

c) Đánh giá: Đạt tiêu chí.

3. Về tình hình nợ đọng

Đến thời điểm báo cáo xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản về xây dựng nông thôn mới.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM của xã Nậm Sỏ đầy đủ, đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định tại Quyết định 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Xã đã thực hiện đảm bảo theo đúng quy trình rà soát, đánh giá, lấy ý kiến các tổ chức chính trị xã hội, người dân và bỏ phiếu xét đề nghị xã đạt chuẩn NTM năm 2020.

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Nậm Sỏ đã được UBND huyện Tân Uyên thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Nậm Sỏ đã được UBND huyện Tân Uyên thẩm tra chưa đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là 00/19 tiêu chí, chiếm 0 %.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

Xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản về xây dựng nông thôn mới.

III. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Đoàn thẩm định NTM tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ, đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí của xã Nậm Sỏ, báo cáo UBND tỉnh xem xét công nhận xã Nậm Sỏ đạt chuẩn NTM năm 2020.

Trên đây là Báo cáo của UBND huyện Tân Uyên về kết quả thẩm tra thực hiện 19 tiêu chí xây dựng NTM xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu./.

Nơi nhận:

- Đoàn thẩm định tỉnh; (B/c)
- TT. Huyện ủy; (B/c)
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- BCĐ XDNTM huyện;
- UBND các xã;
- Các thành viên Đoàn thẩm tra huyện;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lô Thanh Huy



**BIỂU TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Báo cáo số: 2362/BC-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện Tân Uyên)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
I. QUY HOẠCH						
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.		Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.		Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm.	%	100%	100	Đạt
		2.2. Đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	%	80%	80,28	Đạt
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	%	≥ 50%	74,85	Đạt
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	%	≥ 50%	50	Đạt
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.	%	80%	89,65	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh, và theo quy định về phòng chống thiên tai tại tại chỗ.		Đạt	Cứng hóa 100 %	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.		Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	%	≥ 95%	97,19	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu	%	≥ 70%	100	Đạt



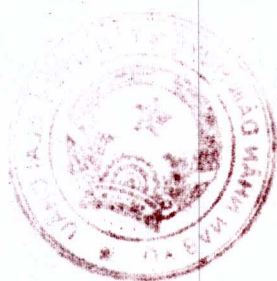
		học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.				
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.		Đạt	Có	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của trẻ em và người cao tuổi theo quy định.		Đạt	Có	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.	%	100%	100	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại	Xã có chợ nông thôn, hoặc nơi mua bán trao đổi hàng hóa.		Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.		Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.		Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa.		Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.		Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát.		Không	không	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.	%	≥ 75%	79	Đạt
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						Đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 là 36 triệu đồng/người/năm (Năm 2020 ≥ 36 triệu đồng).		≥ 36 triệu đồng	36,01	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020.	%	≤ 12%	10,49	Đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	%	≥ 90%	98	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của luật hợp tác xã năm 2012.		Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.		Đạt	Đạt	Đạt



IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.			Đạt	
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề).	≥ 70%	70,08	Đạt	
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo.	≥ 25%	53,23	Đạt	
		15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	≥ 85%	93,4	Đạt	
15	Y tế	15.2. Xa đạt tiêu chí quốc gia về y tế.	Đạt	Đạt	Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	≤ 26,7%	25,4	Đạt	
		Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định.	≥ 70	75	Đạt	
		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	≥ 90% (≥ 50% nước sạch)	90,04 (50,07)	Đạt	
16	Văn hóa	17.2. Cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	100	Đạt	
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp.	Đạt	Đạt	Đạt	
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.	Đạt	Đạt	Đạt	
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt	
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp).	≥ 70%	71	Đạt	
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	≥ 60%	67	Đạt	
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	100	Đạt	
		Môi trường và An toàn thực phẩm	Đạt	Đạt	Đạt	
17						







V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh".	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị-xã hội của xã đạt loại khá trở lên.	%	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng Dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt	Đạt
		19.2. Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu nại đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	Đạt	Đạt